

VN-Index kết thúc chuỗi tăng điểm, giảm nhẹ 0,2%

Ngày báo cáo

17/4/2026

Phòng Nghiên cứu & Phân tích

research@vietcap.com.vn

+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index kết thúc chuỗi tăng điểm, giảm nhẹ 0,2%

VN-Index chấm dứt chuỗi năm phiên tăng liên tiếp vào thứ Sáu khi giảm nhẹ 0,2% (-2,7 điểm), chốt tuần giao dịch tại mức 1.817,2 điểm. Toàn sàn ghi nhận 178 mã tăng, 146 mã giảm và 54 mã đi ngang. Thanh khoản giảm so với phiên trước đó, đạt 23,4 nghìn tỷ đồng.

- Sau đà tăng mạnh trong hai ngày trước đó, các cổ phiếu liên quan đến Vingroup gồm VHM (-5,2%), VPL (-3,8%), VRE (-3,4%) và VIC (-0,7%) đã đồng loạt quay đầu giảm điểm.
- Hầu hết các mã nhóm Ngân hàng đều ghi nhận sắc xanh, bao gồm VPB (+2,4%), TCB (+1,1%), CTG (+0,7%) và MBB (+0,6%). Ngược lại, LPB (-2,7%) giảm khá sâu.
- Cổ phiếu Dầu khí bứt phá mạnh mẽ với BSR (+3,5%), PLX (+2,2%) và PVD (+1,2%).
- Các mã giảm đáng kể ở các nhóm ngành khác bao gồm các công ty Công nghiệp GEE (-4,1%) và GEX (-2,5%), hãng hàng không HVN (-1,1%), các công ty Chứng khoán SSI (-1,0%) và VIX (-1,7%), cùng doanh nghiệp sản xuất bia SAB (-0,5%). Ở chiều ngược lại, những mã tăng điểm nổi bật bao gồm doanh nghiệp Cao su GVR (+4,0%), cổ phiếu Tiện ích GAS (+2,2%), tập đoàn Công nghệ FPT (+2,6%), tập đoàn Thực phẩm & Đồ uống MSN (+1,9%) và công ty Chứng khoán TCX (+1,2%).

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1817,2	260,0	128,4
% Δ	-0,2%	1,4%	0,1%
- % Δ 1 tuần	3,8%	3,2%	0,8%
- % YTD	1,8%	3,8%	6,3%
- % YOY	49,1%	22,0%	40,6%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	\$889,8	\$67,2	\$17,5
- TB 1 tháng (triệu)	\$942,8	\$58,5	\$21,1
- TB 1 năm (triệu)	\$1.138,9	\$80,9	\$33,2
- TB QTD	\$950,2	\$56,6	\$20,3
- % TB QTD/TB quý gần nhất	-20,8%	-27,6%	-42,8%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	\$119,5	\$1,2	\$0,3
- Bán (triệu)	\$115,4	\$2,9	\$0,9
- GT ròng (triệu)	\$4,0	-\$1,7	-\$0,6
Độ rộng TT			
Mã tăng	187	80	185
Mã giảm	150	76	184
Không đổi	87	149	502
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	326,2	17,8	52,2
P/E trượt 12T	14,7	10,8	15,8
LS cổ tức*	3,2%	4,7%	13,5%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
VN30F1M	1.987,9	21.242	1.889,0
VN30F2M	1.982,9	1.240	2,9
VN30F1Q	1.983,9	307	0,4
VN30F2Q	1.983,9	N/A	0,2
VN100F1M	1.903,0	39	0,7
VN100F2M	1.905,0	16	0,2
VN100F1Q	1.896,0	16	-
VN100F2Q	1.898,9	N/A	-
USD/VND		26.334	

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1,84%.

Điểm tin & Nhận định nhanh

- CTR ghi nhận mức tăng trưởng LNTT sơ bộ 22% trong quý 1/2026, phù hợp với kỳ vọng
- MCH: KQKD quý 1/2026 khả quan khẳng định sự phục hồi trên diện rộng, Retail Supreme bắt đầu thâm nhập kênh tiêu dùng tại chỗ
- DXG: Ban lãnh đạo đặt mục tiêu LNST sau lợi ích CĐTTS tăng trưởng 16% trong năm 2026; đổi tên công ty, tái định vị thương hiệu - Báo cáo ĐHCĐ
- PLC: Đầu tư công mạnh mẽ thúc đẩy tăng trưởng mảng nhựa đường; kế hoạch tăng vốn đang được triển khai - Báo cáo ĐHCĐ
- VTP: Ban lãnh đạo đặt kế hoạch lợi nhuận năm 2026 đi ngang trong bối cảnh chi phí nhiên liệu gặp nhiều biến động; hoạt động xây dựng hạ tầng logistics được đẩy nhanh - Báo cáo Gặp gỡ NĐT & ĐHCĐ

Quan điểm kỹ thuật

Về mặt kỹ thuật, VN-Index vẫn duy trì tín hiệu tăng khi vận động trên MA20 và MA50, qua đó tiếp tục mở ra khả năng kiểm định lại vùng đỉnh cũ 1.900-1.920 điểm. Hỗ trợ gần là 1.795 (+/-10) điểm. Tuy nhiên, việc áp lực bán bắt đầu xuất hiện tại nhóm Vingroup có thể khiến chỉ số duy trì xu hướng tăng với độ biến động cao hơn trong thời gian tới.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

CTR ghi nhận mức tăng trưởng LNTT sơ bộ 22% trong quý 1/2026, phù hợp với kỳ vọng

*** KQKD sơ bộ quý 1/2026:** Doanh thu đạt 3,8 nghìn tỷ đồng (tương đương 145,8 triệu USD; +39% YoY) và LNTT đạt 188,9 tỷ đồng (tương đương 7,2 triệu USD; +22% YoY). KQKD lần lượt đạt 25% và 27% dự báo cả năm của chúng tôi, phù hợp với kỳ vọng. Dù mảng hạ tầng cho thuê tăng trưởng chậm hơn dự kiến, Tổng CTCP Công trình Viettel (CTR) vẫn ghi nhận kết quả tích cực ở các mảng khác, chủ yếu nhờ mảng xây dựng và giải pháp tích hợp & dịch vụ kỹ thuật.

- **Vận hành khai thác** (doanh thu tăng 14% YoY; đạt 24% dự báo cả năm) tiếp tục được hỗ trợ bởi hoạt động triển khai mạnh mẽ tại cả thị trường trong nước và quốc tế. Tuy nhiên, chúng tôi ghi nhận sự chậm lại của đà tăng trưởng theo tháng, chủ yếu do tốc độ bổ sung các trạm mới bị chậm lại, kéo theo phạm vi vận hành gia tăng từ các trạm mới đi vào hoạt động cũng giảm tốc.

- **Hạ tầng cho thuê** (doanh thu tăng 17% YoY; đạt 23% dự báo cả năm): Trong quý 1/2026, CTR vẫn duy trì số lượng trạm ở mức 12.000 trạm, tức không đổi so với số lượng trạm cuối năm 2025. Chúng tôi lưu ý rằng quý 1 thường là mùa thấp điểm đối với việc triển khai xây dựng trạm mới, và CTR cũng định hướng tốc độ xây dựng mới chậm lại từ năm 2026 trở đi (khoảng 1.000 trạm/năm so với khoảng 2.000-3.000 trạm mới/năm trong giai đoạn 2022-2025). Tuy nhiên, số lượng trạm dùng chung vẫn tăng lên 494 trạm vào cuối tháng 3 (so với 491 trạm vào cuối tháng 2), qua đó duy trì tỷ lệ dùng chung trạm ở mức 1,04, phù hợp với quan điểm của chúng tôi.

- **Xây dựng** (doanh thu tăng 82% YoY; đạt 25% dự báo cả năm): Mảng xây dựng của CTR ghi nhận mức doanh thu 1.433 tỷ đồng trong quý 1/2026, nhờ đã triển khai mạnh mẽ từ một số dự án mới khởi công, bao gồm nhà ở xã hội, nhà ở cao cấp và khách sạn/khu nghỉ dưỡng. Tổng giá trị hợp đồng đã ký đạt 1,5 nghìn tỷ đồng tính đến quý 1/2026, bao gồm 846 tỷ đồng từ khách hàng của phân khúc B2C & SME và 678 tỷ đồng từ khách hàng của phân khúc B2B.

- **Giải pháp tích hợp & dịch vụ kỹ thuật** (doanh thu tăng 57% YoY; đạt 25% dự báo cả năm): Đà tăng trưởng tiếp tục được thúc đẩy bởi phân khúc giải pháp năng lượng điện mặt trời, nhờ lượng

đơn hàng mới đạt 52,3 MWp và phạm vi triển khai lắp đặt được mở rộng thêm tại 132 xã/phường, qua đó nâng tỷ lệ phủ điện mặt trời trên toàn quốc lên 42% (1.393/3.321 xã/phường).

* Chúng tôi hiện đang duy trì khuyến nghị KHẢ QUAN đối với CTR, với mức giá mục tiêu là 96.800 đồng/cổ phiếu.

MCH: KQKD quý 1/2026 khả quan khẳng định sự phục hồi trên diện rộng, Retail Supreme bắt đầu thâm nhập kênh tiêu dùng tại chỗ

Doanh thu: Doanh thu quý 1/2026 tăng 13% YoY (đạt 24% dự báo cả năm 2026, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi), so với mức kế hoạch tăng trưởng 11-15% cho cả năm 2026 của CTCP Hàng tiêu dùng Masan (MCH). Đây là sự tăng tốc đáng kể so với năm 2025, khi doanh thu giảm 1,1% YoY xuống còn 30,6 nghìn tỷ đồng - đợt sụt giảm doanh thu đầu tiên của công ty trong thời gian gần đây, do chuyển sang mô hình bán hàng trực tiếp cho các nhà bán lẻ và giảm sự phụ thuộc vào các kênh bán buôn.

Gia vị: Doanh thu nhóm hàng gia vị tăng mạnh 17% YoY trong quý 1/2026, đảo chiều so với mức giảm 7% và 6% lần lượt trong năm 2025 và quý 4/2025. Điểm yếu trong năm 2025 tập trung vào quý 2-4 (-13% YoY) sau khi tăng mạnh trong quý 1 (+16%). Trong quý 1/2026, nhóm hàng này chiếm 37% tổng doanh thu. MCH đã phục hồi khởi tác động tiêu cực phát sinh từ những tin tức lan truyền sai lệch về một dòng sản phẩm nước mắm của công ty, cùng với sự phục hồi nhờ mô hình bán hàng trực tiếp cho các nhà bán lẻ. Doanh thu nhóm hàng gia vị đã đạt 26% dự báo năm 2026 của chúng tôi.

Các nhóm hàng khác: Nhóm thực phẩm tiện lợi tăng 14% YoY (so với +2% trong năm 2025). Ngành hàng chăm sóc gia đình & cá nhân (HPC) tăng tốc lên 34% (so với +8% trong năm 2025), được hỗ trợ bởi các sản phẩm mới được mở rộng từ chương trình thí điểm WCM sang kênh truyền thống (GT). Nhóm cà phê tăng 9% YoY. Nhóm đồ uống đóng chai là điểm yếu duy nhất với mức giảm 3% - ban lãnh đạo cho biết Retail Supreme sẽ đẩy nhanh việc thực hiện kênh tiêu dùng tại chỗ từ tháng 3 để giải quyết vấn đề này.

Phân phối - Chiến dịch Retail Supreme đang mở rộng nhanh chóng và đã thâm nhập thị trường: Chiến dịch Retail Supreme đặt mục tiêu đóng góp 30-40% vào tăng trưởng doanh thu và tiếp tục mở rộng trên bốn khía cạnh:

- Phạm vi phủ sóng – Khoảng 430.000 điểm bán hàng đang hoạt động (+80% YoY) trên cả kênh tiêu dùng bán lẻ và bán tại chỗ so với mục tiêu 1 triệu điểm bán hàng vào năm 2026 (đã đạt 42%); hiện đang mở rộng sang kênh tiêu dùng bán tại chỗ để thúc đẩy doanh số mảng đồ uống đóng chai từ tháng 3 trở đi.
- Độ thâm nhập thị trường – Khoảng 33.000 cửa hàng bán lẻ (ASO) hiện đang kinh doanh tất cả các danh mục sản phẩm chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng (MCH) (+50% YoY) so với mục tiêu là 100.000 cửa hàng;
- Độ sâu sản phẩm – Khoảng 5,4 SKU/đơn hàng (+85% YoY) so với mục tiêu 7,0 SKU/đơn hàng; và
- Triển khai thực hiện – Khoảng 40.000 cửa hàng bán lẻ (ASO) đạt chuẩn trưng bày sản phẩm hoàn hảo (vị trí phù hợp, trưng bày trên kệ hợp lý và chuẩn danh mục sản phẩm) so với mục tiêu là 350.000 cửa hàng.
- Retail Supreme đã mở rộng hoạt động triển khai sang kênh tiêu dùng tại chỗ kể từ tháng 3, tạo điều kiện cho ngành hàng đồ uống đóng chai nắm bắt nhu cầu trong mùa cao điểm sắp tới và đặt nền móng cho sự phục hồi của ngành hàng này trong năm 2026.

Mặc dù hiện tại chúng tôi đưa ra khuyến nghị PHTT đối với MCH, giá cổ phiếu của công ty đã được điều chỉnh, qua đó tạo ra tiềm năng tăng giá 30% (tương đương với giá mục tiêu 181.700 đồng/cổ phiếu) và lợi suất cổ tức 3,6%.

DXG: Ban lãnh đạo đặt mục tiêu LNST sau lợi ích CĐTS tăng trưởng 16% trong năm 2026; đổi tên công ty, tái định vị thương hiệu - Báo cáo ĐHCĐ

- Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của CTCP Tập đoàn Đất Xanh (DXG) vào ngày 17/04/2026.
- **Kế hoạch năm 2026:** Cổ đông đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026 với doanh thu đạt 5,0 nghìn tỷ đồng (+19% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 268 tỷ đồng (+16% YoY), lần lượt cao hơn 29% và 13% so với dự báo của chúng tôi. DXG đã hoàn thành lần lượt 86%/15%/112%/113%/63% kế hoạch LNST sau lợi ích CĐTS của các năm 2021/22/23/24/25.
- Chúng tôi cho rằng chênh lệch giữa kế hoạch của ban lãnh đạo và dự báo của chúng tôi (LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 dự báo đạt 237 tỷ đồng; +3% YoY) chủ yếu đến từ kỳ vọng của công ty về việc bàn giao nhiều hơn tại dự án Gem Sky World và kết quả kinh doanh mảng môi giới khả quan hơn. Dù vậy, chúng tôi dự kiến không có thay đổi đáng kể nào đối với dự báo cho DXG, dù cần thêm đánh giá chi tiết.
- **Kế hoạch phát hành cổ phiếu thưởng:** Cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng tỷ lệ 14%, nguồn từ LNST chưa phân phối và thặng dư vốn cổ phần năm 2025. Việc phát hành dự kiến thực hiện trong năm 2026 hoặc thời điểm khác do HĐQT quyết định, tùy thuộc vào xác nhận từ UBCKNN.
- **Kế hoạch phân phối lợi nhuận:** Cổ đông đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 với 2% LNST sau lợi ích CĐTS trích vào quỹ khen thưởng phúc lợi và không chia cổ tức. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 bao gồm (i) 2% LNST sau lợi ích CĐTS trích vào quỹ khen thưởng phúc lợi, (ii) thưởng bằng 10% phần LNST sau lợi ích CĐTS vượt kế hoạch cho cả HĐQT và Ban Giám đốc, và (iii) kế hoạch cổ tức 20% mệnh giá (10.000 đồng/cổ phiếu) bằng tiền mặt và/hoặc cổ phiếu.
- **Thay đổi tên công ty:** Cổ đông đã ủy quyền cho HĐQT nghiên cứu và lựa chọn tên mới cho công ty nhằm đảm bảo tính thống nhất với chiến lược kinh doanh và tuân thủ các quy định pháp luật. Tại đại hội, ban lãnh đạo cho biết bộ nhận diện thương hiệu mới dự kiến sẽ được công bố chính thức trong 1-2 tuần tới. Tập đoàn sẽ vận hành dưới hai thương hiệu riêng biệt: một tập trung vào phát triển dự án và hợp tác vốn, và thương hiệu Đất Xanh được tái định vị chuyên biệt cho mảng dịch vụ bất động sản.
- Cổ đông đã thông qua việc từ nhiệm thành viên HĐQT độc lập của ông Nguyễn Phạm Anh Tài, bầu lại ông Hà Đức Hiếu và bầu bổ sung ông Nguyễn Huy Hoàng vào HĐQT nhiệm kỳ 5 năm (2026–2031).
- Vào ngày 16/04, DXG đã công bố thay đổi nhân sự cấp cao: (i) Ông Bùi Ngọc Đức, trước đó là thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, được bổ nhiệm làm Chủ tịch HĐQT thay ông Lương Ngọc Huy; và (ii) ông Nguyễn Trường Sơn, trước đó là Phó Tổng Giám đốc, được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc thay ông Đức. Ông Đức và ông Sơn lần lượt gia nhập DXG vào năm 2014 và 2011. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

PLC: Đầu tư công mạnh mẽ thúc đẩy tăng trưởng mảng nhựa đường; kế hoạch tăng vốn đang được triển khai - Báo cáo ĐHCĐ

- Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex (PLC) vào ngày 17/04/2026. Nhìn chung, ban lãnh đạo nhấn mạnh những thách thức ngắn hạn từ các xung đột địa chính trị gây ra gián đoạn chuỗi cung ứng và diễn biến kém tích cực của mảng hóa chất, đồng thời duy trì kỳ vọng lợi nhuận phục hồi nhờ đầu tư công và kế hoạch huy động vốn chiến lược.
- Cổ đông đã thông qua kế hoạch LNTT năm 2026 đạt 107 tỷ đồng (+56% so với thực hiện 2025; -24% so với kế hoạch 2025; tương đương 32% dự báo của chúng tôi). Trong lịch sử giai đoạn 2010–2025, LNTT thực tế trung bình đạt 93% kế hoạch ban đầu. Do đó, chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo hiện tại.

- PLC công bố LNTT sơ bộ quý 1/2026 đạt 31 tỷ đồng (-22% YoY; hoàn thành 9,2% dự báo của chúng tôi), thấp hơn kỳ vọng. Nguyên nhân chủ yếu do mảng hóa chất lỗ 18 tỷ đồng, ảnh hưởng mức tăng trưởng tích cực của mảng dầu nhờn (+14% YoY) và nhựa đường (+55% YoY).

- PLC cho biết Petrolimex có kế hoạch giảm tỷ lệ sở hữu từ 79% xuống còn 51-60% thông qua phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược, với số tiền thu được dự kiến khoảng 600-700 tỷ đồng để phục vụ hoạt động cốt lõi (ngụ ý giá trị ước tính khoảng 25.000 đồng/cổ phiếu); các buổi giới thiệu cơ hội đầu tư (roadshow) dự kiến diễn ra vào tháng 6-7/2026.

- Cổ đông thông qua việc không chia cổ tức tiền mặt cho kết quả kinh doanh năm 2025. Ngoài ra, PLC dự kiến trả cổ tức năm 2026 ít nhất 8% (chưa xác định tiền mặt hay cổ phiếu). Các mức này đều thấp hơn dự báo hiện tại của chúng tôi lần lượt là 1.000 đồng/cổ phiếu và 2.500 đồng/cổ phiếu cho năm 2025 và 2026.

- **Quan điểm của chúng tôi:** Chúng tôi nhận thấy rủi ro giảm đối với dự báo của chúng tôi cho PLC, do kết quả quý 1 yếu hơn kỳ vọng và kế hoạch năm 2026 thấp hơn dự tính. Ngoài ra, giá dầu tăng cao có thể gây thêm áp lực lên biên lợi nhuận. Hiện tại, chúng tôi đang có khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 31.900 đồng/cổ phiếu. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VTP: Ban lãnh đạo đặt kế hoạch lợi nhuận năm 2026 đi ngang trong bối cảnh chi phí nhiên liệu gặp nhiều biến động; hoạt động xây dựng hạ tầng logistics được đẩy nhanh - Báo cáo Gặp gỡ NĐT & ĐHCĐ

1. Kế hoạch năm 2026:

* Tổng doanh thu: 19,5 nghìn tỷ đồng (-6% YoY; bao gồm doanh thu, doanh thu tài chính và thu nhập khác).

* LNTT: 515 tỷ đồng (đi ngang YoY).

* LNST: 400 tỷ đồng (-1% YoY; VTP đã ghi nhận kết quả LNST thấp hơn kế hoạch trung bình 15% trong 7 năm qua).

2. KQKD sơ bộ quý 1/2026:

* Doanh thu: 5,1 nghìn tỷ đồng (+1,5% YoY; -13% QoQ; đạt 120% kế hoạch quý 1; hoàn thành 26% kế hoạch năm 2026); doanh thu từ các mảng kinh doanh cốt lõi tăng mạnh 33,7% YoY.

* LNST thấp hơn kế hoạch quý 1 của ban lãnh đạo do biến động giá nhiên liệu. VTP kỳ vọng áp lực biên lợi nhuận sẽ giảm bớt trong các quý tới nhờ việc điều chỉnh phụ phí nhiên liệu và chuyển phần chi phí này sang khách hàng.

3. Năm trụ cột cốt lõi và các dịch vụ khác:

* VTP cho biết 5 trụ cột kinh doanh cốt lõi trong giai đoạn 2026-2030 bao gồm:

- Chuyển phát: Ban lãnh đạo cho biết các dịch vụ cốt lõi hiện đóng góp khoảng 92% doanh thu, trong đó mảng chuyển phát chiếm khoảng 80%, trong khi các mảng khác như kho bãi và vận tải đóng góp khoảng 10%-15%. Mảng này tiếp tục duy trì động lực tăng trưởng tích cực nhờ từ đà tăng trưởng mạnh của thương mại điện tử.

- Kho bãi: Trọng tâm là các dịch vụ kho bãi, xử lý hàng hóa trong kho và hoàn tất đơn hàng.

- Vận tải: Công ty hiện vận hành hơn 5.000 xe tải, với định hướng chiến lược là phát triển năng lực vận tải đa phương thức.

- Thương mại và dịch vụ: VTP đang mở rộng sang mảng vật tư logistics (ví dụ: bao bì logistics) và dịch vụ giao hàng nhanh đối với hàng tiêu dùng nhanh (FMCG - hiện đang trong giai đoạn vận hành thử nghiệm, cung cấp dịch vụ giao trong 1-2 giờ đối với hàng FMCG, đặc sản vùng miền và các sản phẩm được sản xuất bởi quân đội).

- Mở rộng ra nước ngoài: VTP hiện có hoạt động tại Campuchia, Lào, Myanmar và gần đây nhất là Trung Quốc, nơi công ty hoạt động thông qua Công ty TNHH Viettel Post Logistics and Trading (Quảng Tây), chủ yếu tập trung vào logistics xuyên biên giới. Các hoạt động hiện hữu tại Campuchia, Lào và Myanmar hiện chủ yếu xoay quanh dịch vụ kho bãi và vận tải cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn Viettel như Metfone, Unitel và Mytel, với đóng góp doanh thu vẫn còn khiêm tốn và phần lớn đến từ nhu cầu nội bộ trong tập đoàn, thay vì từ tệp khách hàng bên ngoài rộng hơn. Trong thời gian tới, VTP dự kiến sẽ mở rộng vượt ra ngoài vai trò hỗ trợ logistics để tiến sang mảng chuyển phát nhanh, với dịch vụ Unitel Express đã được triển khai tại Lào từ tháng 10/2025, dự kiến ra mắt tại Campuchia trong quý 2/2026 dưới thương hiệu Metfone Express, và Myanmar cũng được lên kế hoạch sẽ triển khai trong năm 2026.

- Các dịch vụ khác: Ban lãnh đạo dự kiến doanh thu từ các dịch vụ khác sẽ giảm 44% YoY trong năm 2026, do những thay đổi mang tính cấu trúc trong mô hình kinh doanh của Tập đoàn Viettel. Mảng phân phối sản phẩm viễn thông (ví dụ: thẻ cào) đã thu hẹp nhanh trong vài năm qua và dự kiến sẽ tiếp tục giảm khoảng 20%-30% mỗi năm trong giai đoạn 2026-2030, và đến năm 2030 sẽ chỉ còn chiếm mức tỷ trọng một chữ số trong cơ cấu doanh thu.

4. Mục tiêu giai đoạn 2026-2030:

* Doanh thu: 65-80 nghìn tỷ đồng vào năm 2030, tương ứng với mức tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) là 35%-42%.

* 5 trụ cột cốt lõi: Doanh thu dự kiến tăng trưởng 30%-38% mỗi năm, trong đó mảng chuyển phát được kỳ vọng sẽ tăng khoảng 20% mỗi năm, còn các mảng kho bãi, vận tải, thương mại/dịch vụ và kinh doanh quốc tế tăng khoảng 50%-70% mỗi năm. Để đạt được mục tiêu này, ban lãnh đạo cho biết tỷ trọng doanh thu từ vận tải và kho bãi dự kiến sẽ tăng từ mức 12% lên 30% (trong đó kho bãi khoảng 20% và vận tải khoảng 10% vào năm 2030).

* LNTT: 2,0-2,5 nghìn tỷ đồng vào năm 2030, tương ứng mức tăng trưởng 40%-48%/năm.

5. Mảng dịch vụ chuyển phát:

* Động lực thị trường:

- Thị trường chuyển phát nhanh tại Việt Nam vẫn hấp dẫn về mặt cấu trúc, với ban lãnh đạo ước tính mức tăng trưởng của ngành sẽ ở mức khoảng 15% mỗi năm bất chấp sự hiện hữu của áp lực cạnh tranh về giá. Các nền tảng thương mại điện tử hiện chiếm hơn 50% sản lượng bưu kiện toàn thị trường, nhưng mức độ hiện diện của VTP trong phân khúc này vẫn còn thấp do các nền tảng lớn tiếp tục dựa nhiều vào mạng lưới giao hàng nội bộ. Tuy nhiên, ban lãnh đạo cho rằng một hệ sinh thái thương mại điện tử mở sẽ hiệu quả hơn về mặt cấu trúc so với mô hình khép kín trong dài hạn, qua đó có thể từng bước tạo thêm dư địa để VTP mở rộng sản lượng chuyển phát liên quan đến thương mại điện tử từ mức nền thấp hiện nay.

- Ban lãnh đạo cũng nhấn mạnh xu hướng dịch chuyển dần sang các kiện hàng nặng hơn (>30kg). Chúng tôi cho rằng đây là yếu tố hỗ trợ cho VTP, do phân khúc này đòi hỏi yêu cầu về quản lý vận hành phức tạp hơn và đồng thời ít cạnh tranh hơn so với thị trường bưu kiện nhỏ, qua đó có lợi cho các doanh nghiệp sở hữu hạ tầng và năng lực xử lý tốt hơn.

* Phát triển hạ tầng hỗ trợ dịch vụ chuyển phát:

- Vipo Mall: Hiện phục vụ phân khúc thương mại điện tử xuyên biên giới B2B và dự kiến mở rộng sang B2C trong tháng 5/2026, sau khi có được sự phê duyệt từ cục hải quan. Về dài hạn, nền tảng này cũng có thể tích hợp thêm dịch vụ giao hàng nhanh đối với hàng FMCG.

- Smart Box: Mạng lưới hiện đã có mặt tại hơn 1.000 địa điểm trên khắp Hà Nội, các tỉnh/thành lân cận như Bắc Ninh, Thái Nguyên và Hải Phòng, cũng như TP.HCM. Ban lãnh đạo cho biết hệ thống hiện đang ghi nhận tỷ lệ lấp đầy hàng tháng trung bình khoảng 23%. Công ty đặt mục tiêu đạt 5.000 box trong năm 2026 và 10.000 box vào năm 2030. Ban lãnh đạo cũng ước tính vốn đầu tư XDCB ở mức khoảng 70 triệu đồng cho mỗi lớp tủ, với thời gian hoàn vốn khoảng 3 năm và thời gian sử dụng hữu ích khoảng 8 năm.

6. Mạng dịch vụ logistics:

- Trung tâm logistics Đà Nẵng: Ban lãnh đạo kỳ vọng dự án sẽ hoàn thành trong quý 2/2026 và bắt đầu vận hành từ tháng 6/2026.
- Trung tâm logistics Hưng Yên: Dự án hiện đang ở giai đoạn phê duyệt nội bộ cuối cùng, với quy mô khoảng 4 ha và tổng vốn đầu tư khoảng 1,5 nghìn tỷ đồng. Ban lãnh đạo cho biết đây sẽ là tài sản sở hữu trực tiếp, thay vì đi thuê, và dự kiến bắt đầu vận hành sớm nhất trong quý 4/2026.
- Viettel Lạng Sơn Logistics Park: Dự án đã nhận được các phê duyệt pháp lý then chốt liên quan đến hoạt động hải quan trong tháng 10/2025, cho phép tiến tới vận hành toàn diện. Do đó, kết quả năm 2025 chủ yếu bù đắp cho chi phí hoạt động (OPEX) của giai đoạn 1. Ban lãnh đạo đặt kế hoạch doanh thu năm 2026 là 616 tỷ đồng và biên LNTT là 2%, hàm ý năm 2026 sẽ là năm đầu tiên dự án bắt đầu ghi nhận đóng góp lợi nhuận. Trong trung hạn, ban lãnh đạo kỳ vọng dự án sẽ duy trì mức tăng trưởng hai chữ số đến năm 2030.
- Các dự án cửa khẩu thông minh khác: VTP hiện vẫn đang chờ phê duyệt từ chính quyền địa phương đối với một dự án cửa khẩu thông minh tiềm năng tại Lào Cai.

7. Kho bãi và vận tải:

- Ban lãnh đạo kỳ vọng sự kết hợp giữa kho bãi và vận tải sẽ góp phần hoàn thiện hệ sinh thái giải pháp logistics tích hợp. Mức độ thuê ngoài kho bãi tại Việt Nam hiện tại vẫn còn thấp, do ban lãnh đạo ước tính khoảng 95% doanh nghiệp vẫn tự vận hành kho nội bộ, hàm ý còn nhiều dư địa cho xu hướng thuê ngoài logistics trong thời gian tới.
- VTP có vẻ đang ở vị thế thuận lợi để tận dụng cơ hội này, nhờ quy mô hiện hữu với hơn 1 triệu m² diện tích kho bãi và đội xe hơn 5.000 xe tải. Công ty hiện đã phục vụ các khách hàng lớn trong lĩnh vực bán lẻ và phân phối, đáng chú ý như AEON, SATRA và Bách Hóa Xanh, trong khi ban lãnh đạo cho biết khoảng 50% khách hàng sử dụng dịch vụ kho bãi của công ty cũng đồng thời sử dụng dịch vụ vận tải hoặc chuyển phát của VTP, từ đó cho thấy tiềm năng cross-selling rõ rệt.

8. Tăng vốn: Ban lãnh đạo có kế hoạch huy động thêm 500 tỷ đồng trong năm 2026 sau đợt chào bán quyền mua gần đây của công ty, qua đó có thể nâng vốn điều lệ từ 1,7 nghìn tỷ đồng (sau đợt chào bán quyền mua) lên 2,2 nghìn tỷ đồng vào cuối năm (+29%). Ngoài ra, công ty không có kế hoạch chia cổ tức tiền mặt, do lợi nhuận giữ lại sẽ được ưu tiên để hỗ trợ hoạt động mở rộng hạ tầng. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GTVH tr USD	GTGD/ 30N trUSD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2024	P/E 2025	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
STK	Dệt may	82%	75	0,0	14.150	25.500	80%	0,0%	80%	KQ	17/01/25	40,1	9,5	15,5	1,1
DGC	Công nghiệp	42%	786	11,9	54.500	91.200	67%	5,5%	73%	MUA	02/03/26	7,3	6,9	15,5	1,4
KDH	Bất động sản	22%	1.110	4,9	26.050	43.700	68%	0,0%	68%	MUA	09/03/26	29,9	18,8	20,0	1,6
HVN	Hàng không	22%	2.700	1,0	22.850	37.100	62%	0,0%	62%	KQ	22/07/25	9,7	8,2	18,6	12,0
NLG	Bất động sản	9%	526	4,1	28.550	45.800	60%	1,4%	62%	MUA	09/03/26	16,6	20,7	20,0	1,1
FPT	CNTT	16%	4.916	27,6	76.000	116.600	53%	3,0%	56%	MUA	22/10/25	15,0	13,4	19,7	3,6
BMI	Bảo hiểm	22%	89	0,3	15.650	23.100	48%	3,2%	51%	MUA	12/04/24	10,4	6,2	17,0	0,8
PVS	Dầu khí	33%	752	8,9	38.700	58.100	50%	0,0%	50%	MUA	26/02/26	13,6	13,0	22,0	1,3
SZC	KCN	16%	199	0,7	29.100	42.400	46%	3,4%	49%	KQ	01/07/25	16,5	14,9	20,0	1,6
SSI	Chứng khoán	68%	2.701	33,2	28.550	40.800	43%	3,5%	46%	KQ	27/08/25	14,4	15,6	18,6	2,2
PVT	Dầu khí	36%	388	7,2	21.750	30.800	42%	4,6%	46%	MUA	13/03/26	10,3	7,1	13,4	1,2
VGC	KCN	47%	783	1,6	46.000	64.100	39%	4,8%	44%	MUA	21/10/25	14,7	13,2	15,9	2,4
PLC	Dầu khí	48%	71	0,4	23.300	31.900	37%	4,3%	41%	MUA	12/09/25	138,7	7,5	15,5	1,5
BMP	VLXD	20%	460	1,4	148.100	192.500	30%	10,8%	41%	MUA	12/11/25	10,0	8,7	15,9	4,2
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	42%	2.216	1,2	45.500	59.000	30%	11,0%	41%	MUA	06/01/26	13,6	13,0	15,1	2,8
GEX	Điện & Nước	43%	1.336	14,5	39.000	54.000	38%	1,3%	40%	MUA	30/12/25	23,0	25,7	13,4	2,0
ACG	Gỗ	12%	195	0,0	34.050	45.800	35%	5,0%	40%	MUA	15/07/25	10,7	8,5	14,3	1,2
BWE	Điện & Nước	46%	364	1,2	43.600	58.700	35%	3,0%	38%	MUA	02/02/26	11,6	10,5	12,3	1,6
VPB	Ngân hàng	5%	8.511	19,6	28.250	38.000	35%	1,8%	36%	MUA	19/11/25	9,3	7,3	11,3	1,3
ACB	Ngân hàng	2%	4.633	10,7	23.750	32.000	35%	0,0%	35%	MUA	05/03/26	7,9	6,5	11,3	1,3
MBB	Ngân hàng	0%	8.090	20,2	26.450	35.000	32%	1,9%	34%	MUA	13/03/26	8,6	6,7	11,3	1,6
MCH	Bán lẻ	85%	6.931	4,3	141.000	181.700	29%	4,3%	33%	PHTT	28/11/25	27,3	23,9	15,1	10,1
HDC	Bất động sản	47%	141	2,3	18.550	24.600	33%	0,0%	33%	KQ	09/01/26	5,8	11,9	20,0	1,3
HPG	VLXD	26%	8.161	38,5	28.000	36.600	31%	1,8%	33%	MUA	04/04/26	14,4	10,2	14,3	1,7
TCB	Ngân hàng	0%	8.678	17,8	32.250	41.500	29%	3,7%	32%	MUA	04/03/26	9,0	7,6	11,3	1,3

DCM	Phân bón	39%	913	9,0	45.400	57.600	27%	4,4%	31%	MUA	10/03/26	13,3	8,6	15,5	2,2
HGD	Điện & Nước	30%	392	3,6	27.900	36.200	30%	0,0%	30%	MUA	23/03/26	15,1	12,4	20,0	1,5
GMD	GTVT	7%	1.208	5,9	74.600	93.900	26%	3,1%	29%	MUA	26/02/26	20,2	13,2	13,4	2,4
CTG	Ngân hàng	5%	10.279	10,3	34.850	44.900	29%	0,0%	29%	MUA	10/03/26	8,9	7,8	11,3	1,5
TLG	Văn phòng phẩm	88%	186	0,3	50.800	61.900	22%	6,9%	29%	MUA	12/09/25	10,9	8,3	9,8	1,9
HDB	Ngân hàng	5%	4.980	19,5	26.200	33.000	26%	1,9%	28%	MUA	06/03/26	7,3	6,2	11,3	1,7
MSN	Bán lẻ	76%	4.365	19,4	79.500	101.200	27%	0,0%	27%	MUA	21/05/25	28,0	27,1	13,4	3,3
NT2	Điện & Nước	36%	284	1,0	26.000	30.300	17%	9,6%	26%	MUA	26/02/26	7,8	7,0	12,3	1,5
POW	Điện & Nước	47%	1.544	7,7	13.250	16.700	26%	0,0%	26%	MUA	27/03/26	16,6	16,8	12,3	1,2
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	635	0,1	45.600	53.400	17%	8,8%	26%	KQ	30/08/24	8,7	6,5	15,1	1,6
DXG	Bất động sản	30%	629	11,5	14.900	18.700	26%	0,0%	26%	MUA	06/04/26	71,6	74,9	20,0	1,2
TV2	Điện & Nước	7%	92	0,7	36.050	43.900	22%	2,8%	25%	MUA	18/09/25	41,1	14,3	13,4	1,9
VCB	Ngân hàng	10%	18.879	16,4	59.500	73.500	24%	0,8%	24%	MUA	17/03/26	15,3	12,6	11,3	2,2
AST	DV Hàng không	3%	118	0,0	69.000	80.600	17%	5,1%	22%	MUA	26/08/25	12,4	12,0	12,9	5,3
KBC	KCN	40%	1.253	5,5	35.050	42.500	21%	0,0%	21%	MUA	13/03/26	15,4	11,1	20,0	1,3
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	51%	4.865	10,5	61.300	70.300	15%	6,5%	21%	MUA	24/04/25	13,6	14,6	15,1	4,2
BID	Ngân hàng	13%	11.141	12,2	40.300	48.800	21%	0,0%	21%	MUA	01/04/26	10,6	9,5	11,3	1,8
PVD	Dầu khí	38%	703	7,8	33.300	40.300	21%	0,0%	21%	MUA	09/04/26	20,6	16,6	22,0	1,1
QTP	Điện & Nước	-1%	220	0,6	12.900	14.600	13%	7,8%	21%	MUA	10/12/25	5,7	8,8	12,3	1,0
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	80%	522	1,5	61.300	71.600	17%	3,3%	20%	MUA	26/01/26	10,1	7,8	15,1	1,4
GAS	Dầu khí	47%	7.339	5,6	80.100	93.600	17%	3,1%	20%	MUA	14/04/26	17,3	15,7	12,3	2,9
REE	Điện & Nước	0%	1.325	4,4	64.400	75.900	18%	1,6%	19%	MUA	23/02/26	25,2	11,8	13,4	1,7
FRT	Bán lẻ	17%	984	3,0	152.100	178.800	18%	0,7%	18%	MUA	13/11/25	32,6	23,0	12,9	6,2
DPG	Điện & Nước	30%	190	0,9	42.300	48.700	15%	2,4%	17%	MUA	06/01/26	10,7	6,4	15,9	2,3
MWG	Bán lẻ	0%	4.846	21,8	86.900	101.000	16%	1,2%	17%	MUA	14/10/25	18,1	15,3	12,9	3,9
PHR	Công nghiệp	35%	319	0,6	61.900	71.300	15%	2,2%	17%	MUA	25/03/26	18,2	8,9	15,5	2,1
NVL	Bất động sản	43%	1.447	15,0	17.050	20.000	17%	0,0%	17%	MUA	01/10/25	19,8	95,2	20,0	0,8

TDM	Điện & Nước	49%	240	1,1	57.000	65.300	15%	2,6%	17%	KQ	02/02/26	32,8	30,7	12,3	2,5
SIP	KCN	46%	569	1,2	61.900	69.800	13%	3,2%	16%	MUA	22/12/25	12,0	11,6	20,0	2,9
IDC	KCN	33%	708	4,2	49.100	54.600	11%	4,1%	15%	MUA	17/03/26	9,7	9,4	20,0	2,9
PC1	Điện & Nước	33%	416	7,7	26.650	30.500	14%	0,0%	14%	MUA	02/02/26	11,3	10,0	15,9	1,7
PPC	Điện & Nước	44%	124	0,3	10.150	11.000	8%	4,9%	13%	KQ	10/12/25	20,0	10,0	12,3	0,7
DHC	Công nghiệp	15%	134	0,4	36.550	40.100	10%	3,6%	13%	MUA	16/12/25	9,0	8,7	14,3	1,6
DXS	Bất động sản	43%	161	0,8	7.330	8.300	13%	0,0%	13%	KQ	06/04/26	13,4	12,6	20,0	0,7
CTR	CNTT	44%	379	1,1	87.200	96.800	11%	1,7%	13%	KQ	14/04/26	16,6	14,3	15,9	4,8
DPM	Phân bón	44%	746	8,1	28.900	31.200	8%	4,2%	12%	PHTT	10/03/26	22,1	13,0	15,5	1,7
F88	Tài chính TT	42%	603	0,3	150.000	168.000	12%	0,0%	12%	KQ	21/01/26	23,0	16,7	#N/A	6,5
ACV	Hàng không	47%	6.240	1,4	45.900	50.100	9%	0,0%	9%	PHTT	06/04/26	15,0	14,4	13,4	2,4
PTB	Công nghiệp	9%	152	0,2	49.700	52.000	5%	4,2%	9%	KQ	06/10/25	6,6	8,6	14,3	1,2
VRE	Bất động sản	37%	2.468	5,9	28.600	30.700	7%	0,0%	7%	KQ	30/03/26	10,1	11,9	20,0	1,3
VEA	Ô-tô	48%	1.687	0,4	33.400	30.800	-8%	14,4%	7%	PHTT	28/10/25	6,1	6,3	13,4	1,7
VIB	Ngân hàng	0%	2.243	5,9	17.350	18.500	7%	0,0%	7%	KQ	23/05/25	8,1	6,6	11,3	1,3
PLX	Xăng dầu	6%	1.928	6,9	39.950	41.100	3%	3,0%	6%	MUA	13/10/25	20,7	17,4	22,0	1,9
SCS	DV Hàng không	19%	195	0,3	54.000	51.200	-5%	10,2%	5%	PHTT	13/01/26	6,8	7,3	18,6	3,4
PNJ	Bán lẻ	0%	1.438	5,2	111.000	113.500	2%	1,8%	4%	MUA	07/11/25	14,4	16,2	9,8	2,9
BSR	Lọc hóa dầu	47%	5.077	17,9	26.700	27.000	1%	2,6%	4%	PHTT	18/03/26	25,8	8,2	22,0	2,2
DGW	Bán lẻ	25%	386	2,8	45.950	45.400	-1%	1,1%	0%	PHTT	18/11/25	18,5	16,4	12,9	3,0
VTP	GTVT	44%	466	2,0	71.000	69.000	-3%	2,1%	-1%	PHTT	06/09/24	24,8	20,9	13,4	6,9
TPB	Ngân hàng	5%	1.712	5,9	16.250	15.800	-3%	0,0%	-3%	MUA	27/05/25	6,1	5,9	11,3	1,1
GVR	Công nghiệp	12%	5.088	4,2	33.500	30.500	-9%	1,2%	-8%	KQ	31/12/25	23,8	21,9	15,5	2,4
VHM	Bất động sản	41%	21.166	30,6	135.700	122.600	-10%	0,0%	-10%	KQ	30/03/26	13,3	12,9	20,0	2,3
NKG	VLXD	45%	250	2,4	14.700	13.100	-11%	0,0%	-11%	PHTT	18/04/25	33,4	11,4	14,3	0,9
LPB	Ngân hàng	4%	5.218	3,6	46.000	39.300	-15%	2,2%	-12%	KKQ	18/11/25	12,1	12,7	11,3	2,9
HSG	VLXD	45%	377	2,2	16.000	13.500	-16%	3,1%	-12%	PHTT	18/04/25	15,9	16,9	14,3	0,9
STB	Ngân hàng	18%	4.582	25,9	64.000	55.400	-13%	0,0%	-13%	KQ	08/12/25	20,3	10,3	11,3	2,0
OIL	Dầu khí	6%	581	2,3	14.900	12.700	-15%	0,7%	-14%	KQ	17/10/25	36,4	32,9	22,0	1,5

BVH	Bảo hiểm	22%	2.047	2,4	72.600	56.900	-22%	1,2%	-20%	KQ	26/05/25	18,2	17,2	17,0	2,2
VJC	Hàng không	24%	3.994	14,0	177.800	114.000	-36%	0,0%	-36%	KQ	15/03/24	49,5	19,9	18,6	4,3
VIC	Bất động sản	45%	54.985	38,3	187.900	101.600	-46%	0,0%	-46%	BÁN	30/03/26	123,7	127,6	20,0	9,8

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT; PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	52	137.995	2.654	18	14,9	11,9	10,0	15,0	1,8	23,2	18,2	14,5	2,1	2,8%
KHẢ QUAN	20	50.278	2.514	7	16,9	14,6	12,7	14,2	2,3	24,6	19,4	14,7	2,7	1,6%
PHÙ HỢP TT	10	22.355	2.236	0	19,7	17,5	12,5	19,4	2,8	30,9	19,6	13,9	3,3	4,2%
KÉM KHẢ QUAN	1	5.218	5.218	0	14,9	12,1	12,7	10,4	2,9	14,9	12,1	12,7	2,9	2,2%
BÁN	1	54.985	54.985	1	117,4	123,7	127,6	66,9	9,8	117,4	123,7	127,6	9,8	0,0%
TỔNG CỘNG	84	270.831	3.224	26	19,1	15,7	13,3	16,4	2,4	25,5	19,8	15,8	2,5	2,6%

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	88.945	7.412	11	11,8	10,2	8,5	12,4	1,7	11,3	10,3	8,3	1,7	1,0%
Bảo hiểm	2	2.136	1.068	1	23,9	17,6	16,0	14,3	2,0	18,0	14,3	11,7	1,5	2,2%
Chứng khoán	1	2.701	2.701	1	22,9	14,4	15,6	20,6	2,2	22,9	14,4	15,6	2,2	3,5%
Tài chính thay thế	1	603	603	0	47,0	23,0	16,7	25,7	6,5	47,0	23,0	16,7	6,5	0,0%
Tiêu dùng	13	29.440	2.265	4	18,9	16,4	15,4	19,6	3,7	24,7	16,8	14,8	3,7	4,7%
CNTT	1	4.916	4.916	1	17,8	15,0	13,4	23,0	3,6	17,8	15,0	13,4	3,6	3,0%
Bất động sản	9	82.632	9.181	2	52,9	33,5	34,2	23,1	4,1	38,1	33,8	42,9	2,2	0,2%
Vật liệu	4	9.249	2.312	1	17,8	14,4	10,3	18,3	1,6	15,4	18,4	11,8	1,9	3,9%
Điện & Nước	12	6.529	544	1	22,4	16,1	13,5	20,1	1,5	30,3	18,4	13,7	1,6	3,0%
Dầu khí	10	18.498	1.850	2	26,6	19,3	12,0	21,6	2,1	39,0	31,9	14,0	1,8	2,7%
Công nghiệp	5	1.342	268	0	9,0	8,1	7,6	12,2	1,3	14,8	14,7	8,5	1,3	3,7%
Khu công nghiệp	7	8.919	1.274	1	25,4	17,9	15,4	18,7	2,2	26,6	15,8	13,0	2,2	2,7%
GTVT & Logistics	7	14.921	2.132	1	14,8	16,8	13,4	18,0	3,3	20,2	19,8	13,7	5,2	2,9%
TỔNG CỘNG	84	270.831	3.224	26	19,1	15,7	13,3	16,4	2,4	25,5	19,8	15,8	2,5	2,6%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap
 Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap
 *FPT được phân loại lại từ nhóm Tiêu dùng sang CNTT

Cập nhật KQKD Q1 2026 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS Q1 2026 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2026F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB				MUA	
BID				MUA	
CTG				MUA	
HDB				KQ	
LPB				BÁN	
MBB				MUA	
STB				MUA	
TCB				MUA	
TPB				MUA	
VCB				MUA	
VIB				KQ	
VPB				MUA	
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI				MUA	
BVH				KQ	
SSI				MUA	
F88				KQ	
Tiêu dùng					
CTR		14%		KQ	
DGW				PHTT	
FPT				MUA	
FRT				MUA	
MSN (2)				MUA	
MCH				PHTT	
MWG				MUA	
PNJ				MUA	
QNS				KQ	
SAB		5%		MUA	
TLG		20%		MUA	
VEA		-3%		PHTT	
VHC		30%		MUA	
VNM				MUA	
GTVT & Logistics					
ACV		4%		PHTT	
AST		6%		MUA	
GMD (2)		31%		MUA	
HVN		19%		PHTT	

SCS	-6%	PHTT
VJC	N.A	KQ
VTP	19%	PHTT
Bất động sản		
DXG	-4%	MUA
DXS	7%	MUA
HDC	-51%	KQ
NVL	-79%	MUA
KDH	59%	MUA
NLG	-20%	MUA
VHM	3%	KQ
VIC	-3%	BÁN
VRE	-15%	KQ
Khu công nghiệp		
GVR	9%	KQ
IDC	4%	MUA
KBC	39%	MUA
PHR	103%	MUA
SIP	4%	MUA
SZC	11%	KQ
Vật liệu & Công nghiệp		
ACG (2)	26%	MUA
BMP	15%	MUA
DGC	23%	MUA
DHC	3%	MUA
HPG	41%	MUA
HSG (1)	-5%	PHTT
NKG	202%	PHTT
PTB	-19%	KQ
STK	231%	KQ
Điện & Nước		
BWE (2)	9%	MUA
GEX		MUA
HDG		KQ
NT2	-16%	MUA
PC1	12%	MUA
POW	-1%	MUA
PPC	99%	KQ
QTP	-35%	MUA
REE	17%	MUA
TDM (2)	8%	KQ
TV2	186%	MUA
DPG	65%	MUA

VGC		MUA
Dầu khí		
BSR	215%	PHTT
DCM (2)	55%	MUA
DPM	70%	PHTT
GAS		MUA
OIL (2)		KQ
PLX (2)		MUA
PLC		MUA
PVD (2)	55%	MUA
PVS (2)	10%	MUA
PVT (2)	49%	MUA

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của EPS quý 2 năm tài chính 2026. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.817,2	-2,7
VN 30	1.988,1	8,9
VN Mid	2.235,9	-2,5
VNSmall	1.417,2	1,0

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	260,0	3,5
HNX30	546,6	-1,7
VNX Allshare	2.968,7	-1,2

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	128,4	0,2

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	2.952,5	12,6%
Khối ngoại mua	3.145,7	13,4%
Khối ngoại bán	3.039,3	13,0%
Tổng giao dịch	23.431,6	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	642,8	36,3%
Khối ngoại mua	32,0	1,8%
Khối ngoại bán	75,9	4,3%
Tổng giao dịch	1.770,1	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	90,2	19,5%
Khối ngoại mua	7,5	1,6%
Khối ngoại bán	22,5	4,9%
Tổng giao dịch	462,0	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
PVP	1.000	6,9%
BFC	4.300	6,9%
MWG	5.600	6,9%
TMT	900	6,7%
TNT	640	6,6%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
KSF	8.600	9,3%
NRC	300	4,8%
DNP	900	4,7%
NDN	300	2,9%
TFC	1.400	2,8%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
F88	10.488	7,8%
DSH	861	5,6%
FOX	3.394	4,2%
VBB	389	2,9%
POM	109	2,7%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VHM	-7.400	-5,2%
GEE	-7.600	-4,1%
VVS	-5.000	-3,9%
VPL	-3.300	-3,8%
VRE	-1.000	-3,4%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
L14	-700	-2,9%
AAV	-200	-2,4%
DXP	-300	-2,1%
EVS	-100	-2,0%
CEO	-300	-1,7%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
BCR	-96	-7,4%
LSG	-756	-2,2%
SGP	-431	-1,7%
ACV	-627	-1,4%
TVN	-96	-1,1%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1.5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
VHM	1.799
HCM	1.475
VIC	1.333
MWG	1.314
SHB	1.144

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
SHS	621
CEO	250
HUT	167
IDC	159
PVS	118

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
MSR	79
LSG	78
FOX	59
VGI	43
F88	43

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
AFX	1.738.628	87.205
TMT	421.460	55.408
SBG	248.915	60.582
TDG	293.360	73.232
PVP	1.364.186	363.591
FIR	516.263	180.059
HCM	54.202.570	19.500.898
HAG	16.821.214	6.120.017
SKG	154.021	63.881
HVH	253.560	107.738

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
DDG	3.461.286	444.993
GKM	355.838	58.154
NDN	515.040	176.720
NRC	2.852.144	988.369
VC9	154.035	57.333
EVS	303.127	119.025
ITQ	197.104	82.147
TTH	94.566	50.487
AAV	1.700.254	953.502
PVG	171.295	102.430

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
DFF	5.398.036	168.561
BCR	3.368.908	189.676
POM	3.621.361	417.350
F88	296.010	56.805
DVG	335.335	67.640
KSQ	633.633	140.519
BOT	482.726	108.890
BGE	559.293	129.944
CVN	403.129	98.182
PVX	1.377.846	379.379

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.817,2		14,2	2,2	3,8
TCX	4.529,4	90,1	19,3	2,6	0,0
VCK	3.180,7	95,5	19,2	2,8	19,1
SSI	2.700,7	68,0	14,6	2,2	0,0
VPX	2.047,0	95,0	12,5	1,6	0,0
VIX	1.628,3	91,5	5,3	2,0	0,0

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	644,0		13,1	1,7	0,0
BVH	2.046,5	21,7	19,0	2,2	0,0
PVI	692,9	43,3	16,5	2,2	0,0
BIC	181,9	7,9	8,8	1,5	0,0
VNR	156,2	22,7	9,4	1,0	0,0
MIG	142,6	83,9	11,5	1,4	0,0

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.845,3		19,7	3,8	0,0
ACV	6.240,3	47,0	15,2	2,4	0,0
GEE	2.494,8	49,0	20,1	8,2	0,0
MVN	2.467,5	0,0	33,4	4,6	0,0
VEA	1.687,3	47,6	6,2	1,7	0,0
GEX	1.336,4	42,8	23,8	2,0	0,0

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.963,0		19,0	4,6	0,0
MCH	6.930,9	84,5	25,6	10,1	0,0
VNM	4.865,0	51,1	13,6	4,2	0,0
MSN	4.365,1	75,8	29,3	3,3	0,0
SAB	2.216,0	41,5	13,2	2,8	0,0
PNJ	1.438,0	0,3	13,3	2,9	0,0

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.808,0		21,7	1,6	0,0
BSR	5.076,9	47,4	25,6	2,2	0,0
PLX	1.927,6	5,5	19,0	1,9	0,0
PVS	751,6	33,0	10,7	1,3	0,0
PVD	702,9	37,6	17,8	1,1	0,0
OIL	580,8	6,3	35,2	1,5	0,0

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.380,8		14,6	2,2	0,0
GAS	7.339,5	46,8	16,9	2,9	0,0
POW	1.543,6	47,1	15,6	1,2	0,0
REE	1.324,6	0,0	13,8	1,7	0,0
PGV	1.013,2	50,0	7,2	1,5	0,0
DNH	683,3	0,0	19,7	3,5	0,0

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	16.851,6		34,7	4,3	0,0
VIC	54.984,6	44,6	128,0	9,8	0,0
VHM	21.165,6	41,3	13,3	2,3	0,0
KSF	3.451,0	50,0	5,6	5,3	0,0
VRE	2.467,8	37,1	10,1	1,3	0,0
BCM	2.189,2	33,0	16,5	2,5	0,0

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	11.497,6		9,8	1,6	0,0
VCB	18.879,1	9,8	14,1	2,2	0,0
BID	11.141,0	13,4	9,5	1,8	0,0
CTG	10.278,7	4,7	7,8	1,5	0,0
TCB	8.678,2	0,0	9,0	1,3	0,0
VPB	8.511,2	5,3	8,5	1,3	0,0

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.632,4		48,2	6,1	0,0
VPL	5.638,5	47,3	134,7	4,1	0,0
MWG	4.845,7	0,4	18,2	3,9	0,0
VJC	3.994,4	23,5	47,7	4,3	0,0
HVN	2.699,8	21,7	7,9	12,0	0,0
FRT	983,6	16,6	32,6	6,2	0,0

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.963,0		19,0	4,6	0,0
HPG	6.930,9	26,4	25,6	10,1	0,0
GVR	4.865,0	12,3	13,6	4,2	0,0
MSR	4.365,1	99,9	29,3	3,3	0,0
KSV	2.216,0	0,0	13,2	2,8	0,0
DCM	1.438,0	39,4	13,3	2,9	0,0

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.808,0		21,7	1,6	0,0
DHG	5.076,9	46,0	25,6	2,2	0,0
IMP	1.927,6	27,1	19,0	1,9	0,0
DHT	751,6	9,2	10,7	1,3	0,0
DVN	702,9	0,0	17,8	1,1	0,0
DBD	580,8	84,6	35,2	1,5	0,0

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.380,8		14,6	2,2	0,0
FPT	7.339,5	16,5	16,9	2,9	0,0
CMG	1.543,6	12,5	15,6	1,2	0,0
SAM	1.324,6	48,5	13,8	1,7	0,0
SGT	1.013,2	-5,5	7,2	1,5	0,0
ELC	683,3	46,7	19,7	3,5	0,0

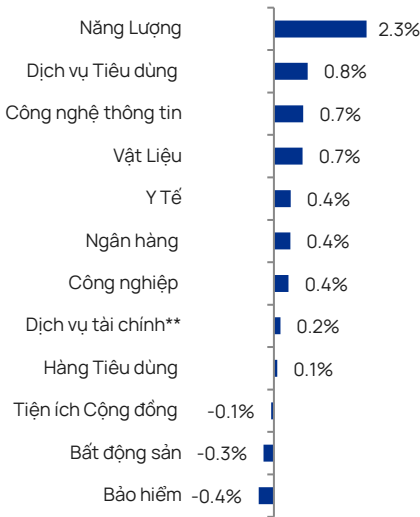
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

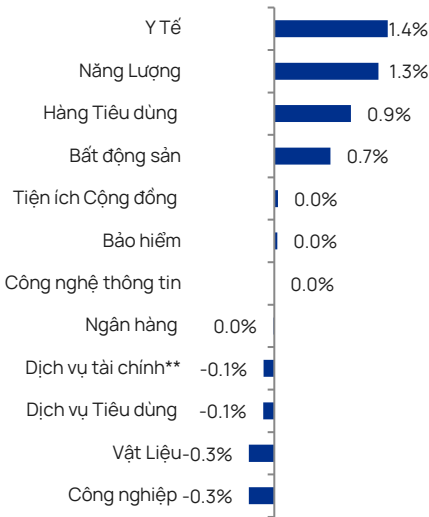
** ngoại trừ ngân hàng

Diễn biến hằng ngày theo ngành

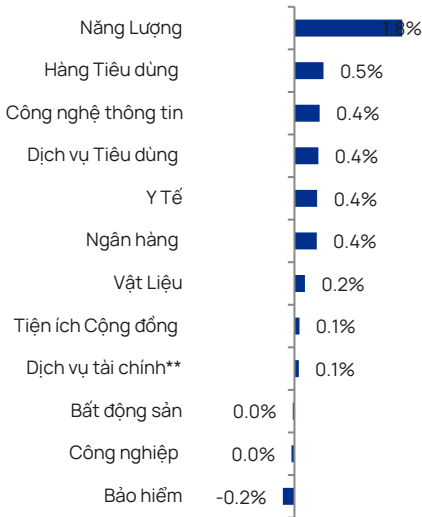
Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh (HSX)



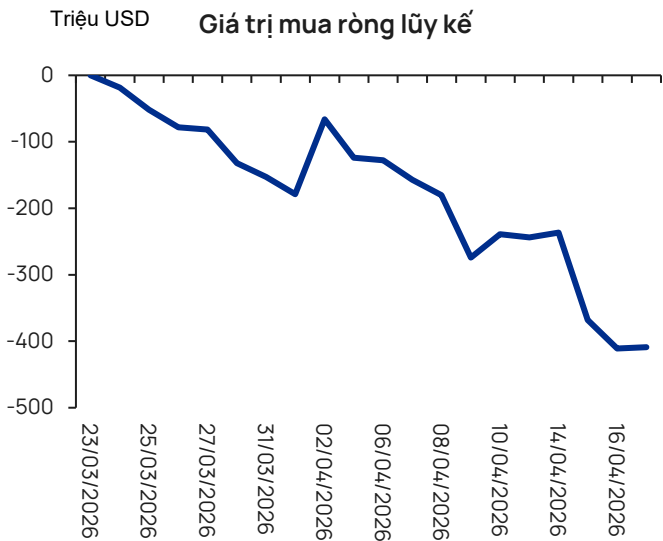
Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



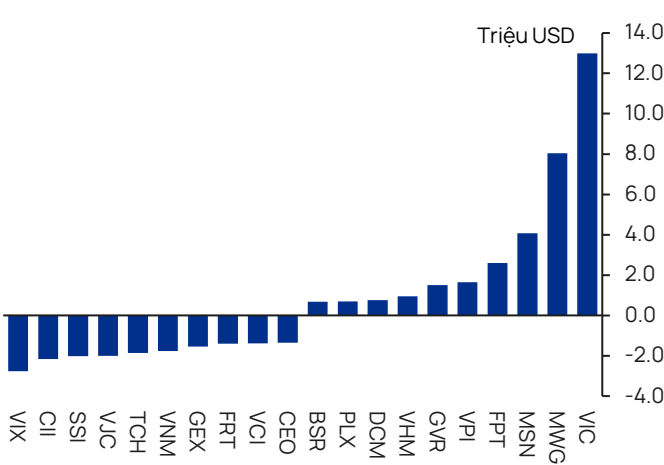
Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày
(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất
(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày

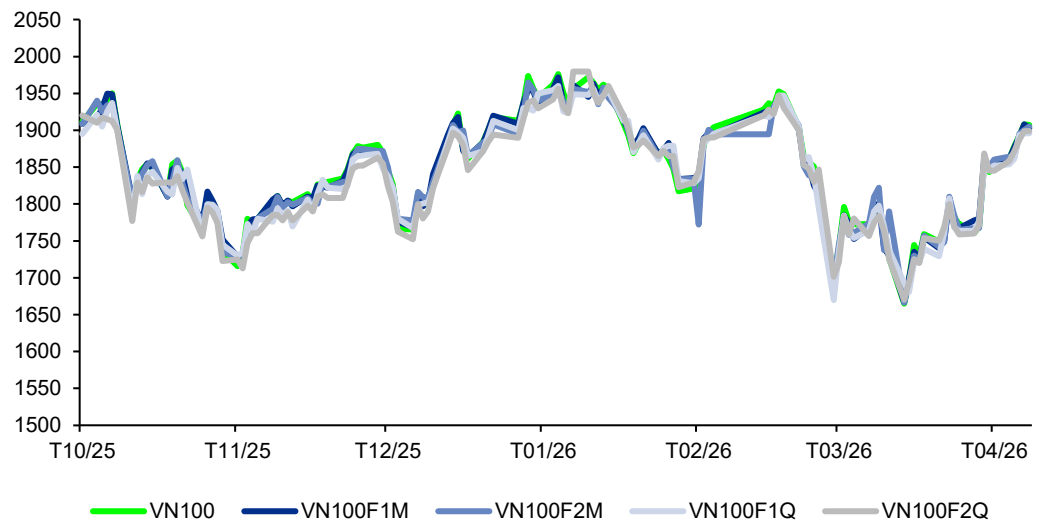
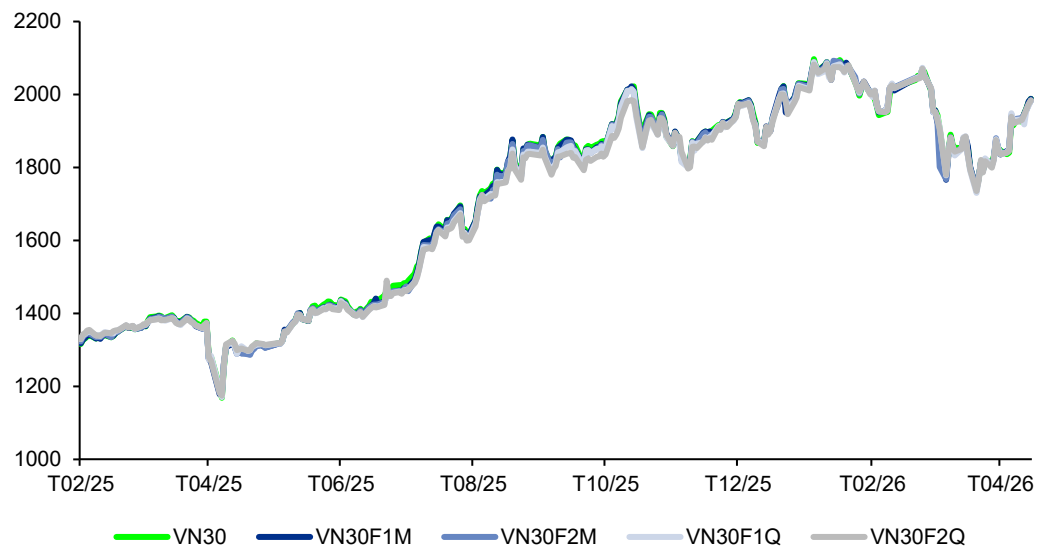


Nguồn: HSX, HNX, Fiinpro
** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	1.987,9	7,4	0,4%	-0,2
VN30F2M	1.982,9	11,0	0,6%	-5,2
VN30F1Q	1.983,9	14,0	0,7%	-4,2
VN30F2Q	1.983,9	10,2	0,5%	-4,2
VN100F1M	1.903,0	-5,0	-0,3%	-4,3
VN100F2M	1.905,0	4,6	0,2%	-2,3
VN100F1Q	1.896,0	0,0	0,0%	-11,3
VN100F2Q	1.898,9	0,0	0,0%	-8,4

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	21.242	0,0%	250,24	55,9%
VN30F2M	1.240	0,0%	0,39	-98,8%
VN30F1Q	307	-75,2%	0,05	-83,0%
VN30F2Q	N/A	- N/A	0,02	-31,0%
VN100F1M	39	0,0%	0,10	241,4%
VN100F2M	16	-59,0%	0,03	-37,7%
VN100F1Q	16	0,0%	0,00	-100,0%
VN100F2Q	N/A	N/A	0,00	-100,0%

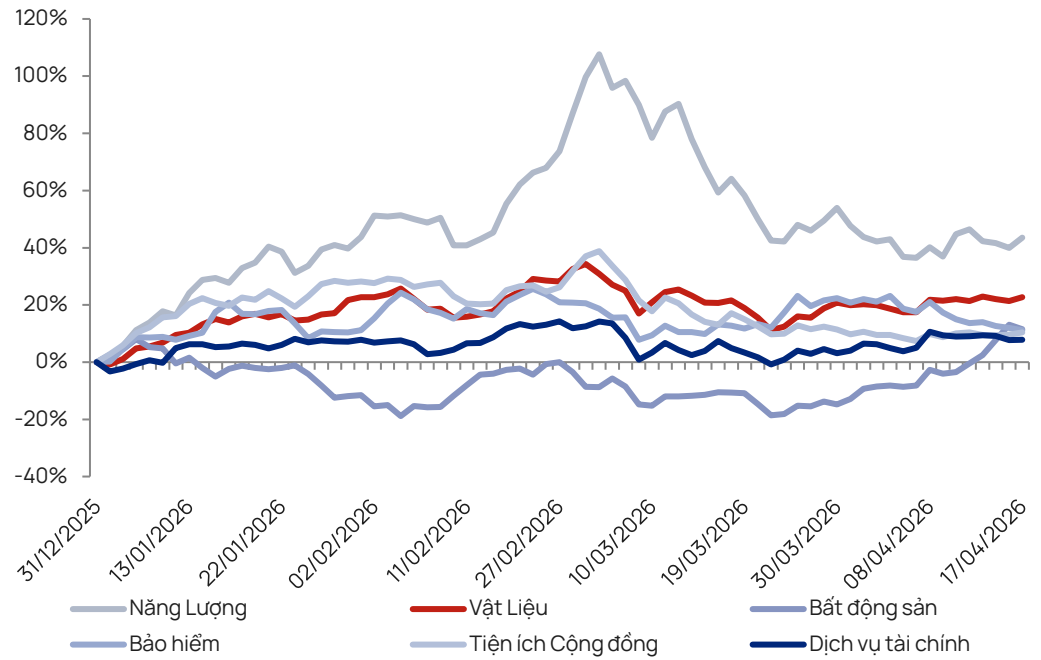


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

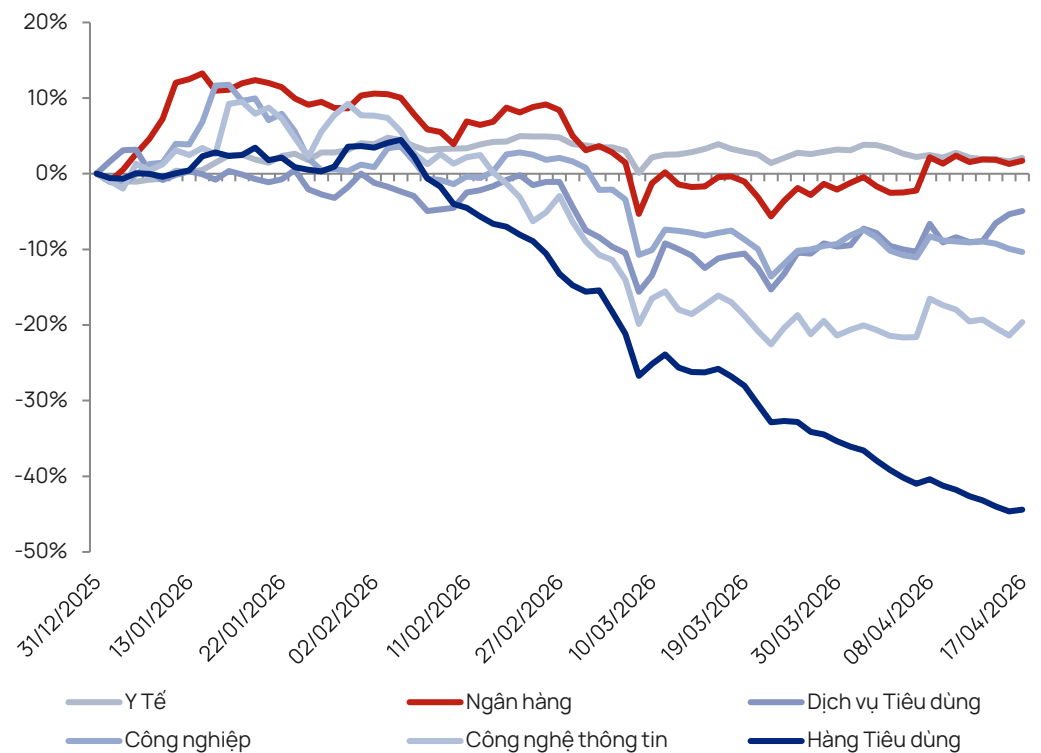
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



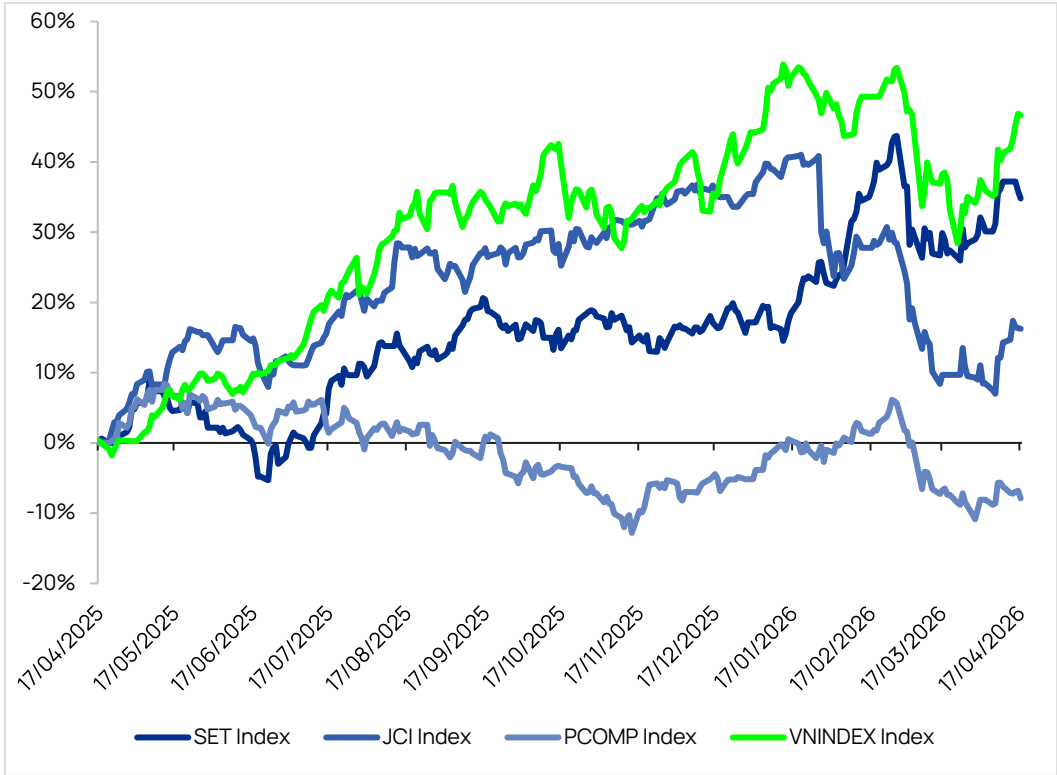
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



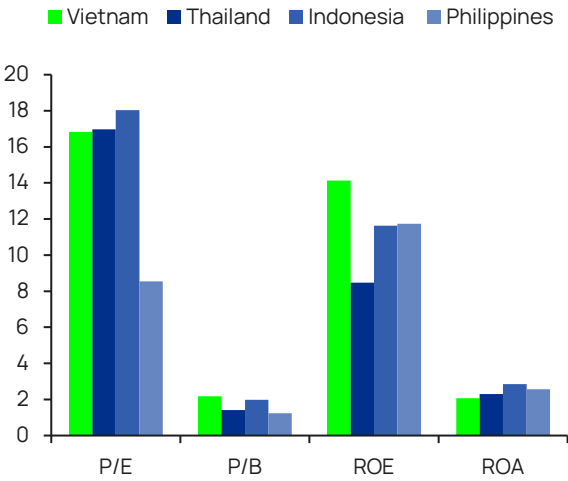
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	17,0	18,0	8,5	16,8
P/B	1,4	2,0	1,2	2,2
ROE (%)	8,5	11,6	11,7	14,1
ROA (%)	2,3	2,8	2,6	2,1
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	593,2	784,7	146,3	321,4
GTGD trung bình, tr USD	1.364,9	1.120,2	82,6	1.027,8
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	897,0	-2.303,2	-1,7	-1.386,4
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	(99,6)	(103,8)	(79,0)	(175,6)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,53%	6,31%	6,19%	4,07%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,
Trưởng phòng, ext 138
- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

Vĩ mô
Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thùy Dương
Phó Giám đốc, ext 140
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp, ext 120
- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp, ext 147
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le
Giám đốc
Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức
+84 28 3914 3588, ext 525
anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.